

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7.6/2006/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 22 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về việc Sửa đổi, bổ sung và ban hành một số loại phí trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 7
(Từ ngày 19 đến ngày 22 tháng 7 năm 2006)**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Thông tư 71/2003/TT-BTC ngày 30/7/2003 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 1477/TT-UBND ngày 03/7/2006 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Phê duyệt Đề án sửa đổi, bổ sung và ban hành một số loại phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành danh mục và mức thu các loại phí trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Phí sử dụng cảng cá đảo Cồn Cỏ

TT	Đối tượng nộp	Mức thu
1	Đối với tàu, thuyền vận tải hàng hoá, vật tư cập bến cảng	
a)	Loại có công suất dưới 50 CV	10.000đ/tàu/ngày
b)	Loại có công suất từ 50 V đến 100 CV	20.000đ/tàu/ngày
c)	Loại có công suất trên 100 CV	30.000đ/tàu/ngày
2	Đối với tàu, thuyền vận tải hàng hoá, vật tư chưa cập bến cảng nhưng neo đậu trong khu vực mặt nước của cảng (Trừ các loại tàu thuyền của huyện đảo Cồn Cỏ, lực lượng TNXP trên đảo, tàu thuyền của các đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ quân sự, tàu thuyền neo đậu để tránh bão khẩn cấp, cấp cứu bệnh	

	nhân, mua nước ngọt, dầu, nước đá)	
a)	Loại có công suất dưới 50 CV	10.000đ/tàu/ngày
b)	Loại có công suất từ 50 CV đến 100 CV	15.000đ/tàu/ngày
c)	Loại có công suất trên 100 CV	20.000đ/tàu/ngày
3	Đối với hàng hoá, vật tư thông qua cảng	
a)	Từ 01 ngày đến 05 ngày	1.000đ/tấn/ngày
b)	Từ ngày thứ 06 trở đi	1.500đ/tấn/ngày

II. Phí vệ sinh

1. Đối tượng phải nộp: Mọi đối tượng thuộc thị xã, thị trấn có rác thải được thu gom.

2. Mức thu

a) Đối với hộ gia đình:

a.1. Hộ gia đình không sản xuất kinh doanh:

- Thị xã: Mức thu từ 10.000 - 20.000 đồng/hộ/tháng;

- Thị trấn: Mức thu từ 7.000 - 15.000 đồng/hộ/tháng.

a.2. Hộ gia đình, cá nhân có sản xuất kinh doanh:

Mức thu từ 30.000đồng/hộ/tháng đến tối đa không quá 100.000 đồng/hộ/ tháng.

Riêng hộ kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ: Mức thu như hộ không sản xuất kinh doanh cộng thêm 5.000 đồng/phòng nghỉ/tháng.

b) Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

b.1. Khu vực văn phòng:

- Có bộ máy tổ chức dưới 20 người: Mức 30.000 đồng - 50.000 đồng/tháng;

- Có bộ máy tổ chức từ 20 đến 50 người: Mức 50.000 đồng- 70.000 đồng/tháng;

- Có bộ máy tổ chức trên 50 người: Từ 70.000 đồng - 100.000 đồng/tháng.

b.2. Khu vực sản xuất, kinh doanh dịch vụ: 60.000 - 120.000 đồng/tháng.

Các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp có văn phòng làm việc và bộ phận sản xuất, kinh doanh dịch vụ chung một địa điểm thì áp dụng bằng 80% tổng cộng cả hai mức của mục b.1 và b.2.

c) Trường học:

- Có số phòng học dưới 10 phòng: Mức 40.000 đồng - 60.000 đồng/trường/tháng;

- Có số phòng học từ 10 phòng trở lên: Mức 60.000 đồng - 100.000 đồng/trường/tháng;

- Riêng các trường tiểu học và mầm non cùng quy mô phòng học tính bằng bằng 60% mức tại mục c này.

d) Cơ sở y tế, cơ sở giết mổ gia súc:

- Trạm Y tế: 20.000- 60.000 đồng/tháng;

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: 40.000 - 100.000 đồng/tháng;

e) Các đối tượng thuộc điểm a.2, b, d của mục II.2; Bệnh viện, Ban Quản lý chợ, ga tàu, bến xe; các đối tượng có phế thải xây dựng và các đối tượng khác có lượng

rác thải từ 1m³/tháng trở lên: Thì phải có hợp đồng thu gom xử lý rác thải, mức thu phí từ 75.000 đồng/m³ đến tối đa 120.000 đồng/m³;

f) Các đối tượng có rác thải nguy hại (Chất độc hại, ô nhiễm, rác thải công nghiệp, y tế nguy hại...): Phải hợp đồng thu gom xử lý theo khối lượng rác thực tế quy đổi với hệ số 1,4 lần, mức thu phí tối đa 120.000 đồng/m³.

3. Tỷ lệ để lại cho đơn vị thu trên số phí vệ sinh thu được: 100%.

III. Phí đấu giá (Trừ phí đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất)

1. Phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá:

- Tổng giá trị tài sản theo giá khởi điểm dưới 20 triệu đồng: 50.000 đồng/người/phiên đấu;

- Tổng giá trị tài sản theo giá khởi điểm từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng: 100.000 đồng/người/phiên đấu;

- Tổng giá trị tài sản theo giá khởi điểm từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: 200.000 đồng/người/phiên đấu;

- Tổng giá trị tài sản theo giá khởi điểm từ 500 triệu đồng trở lên: 500.000 đồng/người/phiên đấu.

2. Phí đấu giá đối với người có tài sản bán đấu giá:

- Tổng giá trị tài sản theo giá khởi điểm dưới 100 triệu đồng: Thu phí bằng 5% tổng giá trị tài sản bán được;

- Tổng giá trị tài sản theo giá khởi điểm từ 100 triệu đồng trở lên: Thu phí bằng 2% tổng giá trị tài sản bán được.

3. Tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu trên số phí thu được: 90%.

Điều 2. Các khoản phí đã được HĐND tỉnh quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều được bãi bỏ.

Điều 3. HĐND tỉnh giao trách nhiệm cho UBND tỉnh quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết này.

Riêng phí rác thải cần có lộ trình quy định mức phí cụ thể phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội tại địa phương .

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Trị khoá V, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Nên